



qiáng yuán

墙垣

noun · wall (of a building)

Example Sentence

Lǎo fáng zi de qiáng yuán shàng pá mǎn le téng wàn
老房子的墙垣上爬满了藤蔓。

The walls of the old house are covered with vines.

Trace each character, then write the word on your own.

墙	墙	墙	墙	墙	墙	墙	墙	墙	墙	墙
墙	墙	墙	墙	墙	墙					
垣	垣	垣	垣	垣	垣	垣	垣	垣	垣	垣
垣										